

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho Quý III và kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2026

TỔNG
CÔNG TY
DƯỢC VIỆT
NAM - CTCP

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY
DƯỢC VIỆT NAM - CTCP
DN: C=VN, L="Số 12, phố Ngô Tất Tố,
Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam",
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0100109385, O=TỔNG CÔNG TY
DƯỢC VIỆT NAM - CTCP, E=vinapharm@
vinapharm.com.vn, CN=TỔNG CÔNG TY
DƯỢC VIỆT NAM - CTCP
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.23 22:22:26+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số

0100109385

ngày 8 tháng 12 năm 2016

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109385 ngày 16 tháng 9 năm 2025. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thế Ngân
Ông Đinh Xuân Hân
Ông Nguyễn Tiến Dũng
Bà Hàn Thị Khánh Vinh
Bà Nguyễn Thanh Hoa
Ông Hoàng Lê Sơn
Ông Trần Văn Hải
Ông Đỗ Mạnh Cường

Chủ tịch (từ ngày 23/4/2026)
Chủ tịch (đến ngày 23/4/2026)
Phó Chủ tịch (đến ngày 23/4/2026)
Thành viên
Thành viên (từ ngày 23/4/2026)
Thành viên (từ ngày 23/4/2026)
Thành viên (đến ngày 23/4/2026)
Thành viên độc lập

Ủy ban Kiểm toán

Ông Đỗ Mạnh Cường
Bà Nguyễn Thanh Hoa
Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chủ tịch
Thành viên (từ ngày 23/4/2026)
Thành viên (đến ngày 23/4/2026)

Bộ phận Kiểm toán nội bộ

Ông Bùi Tiến Thảo
Bà Nguyễn Thị Thủy
Ông Phí Ngọc Tú

Trưởng bộ phận
Phó Trưởng bộ phận
Thành viên

**Người đại diện
theo pháp luật**

Bà Hàn Thị Khánh Vinh

Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc

Bà Hàn Thị Khánh Vinh

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 12 Ngô Tất Tố
Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám
Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 3 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hàn Thị Khánh Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2026



Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2026

Mẫu B 01a - DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã trình bày lại)
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		934.710.895.760	627.252.229.429
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	5.849.623.951	3.133.090.967
Tiền	111		5.049.616.828	1.633.090.967
Các khoản tương đương tiền	112		800.007.123	1.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		885.073.999.167	611.838.730.797
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	10(a)	885.073.999.167	611.838.730.797
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.187.965.303	6.032.582.624
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.715.255	165.598
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.536.025.855	823.405.795
Phải thu ngắn hạn khác	135	11	37.409.730.714	5.969.517.752
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	12	(760.506.521)	(760.506.521)
Hàng tồn kho	140	13	192.228.459	357.853.849
Hàng tồn kho	141		192.228.459	357.853.849
Tài sản ngắn hạn khác	160		3.407.078.880	5.889.971.192
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		2.157.333.209	2.234.486.899
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	16	1.249.745.671	3.655.484.293

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 01a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã trình bày lại)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.039.729.945.131	2.248.888.149.933
Tài sản cố định	220		10.417.470.131	12.342.270.009
Tài sản cố định hữu hình	221	14	10.410.831.421	12.269.481.299
Nguyên giá	222		58.278.372.169	58.169.892.539
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(47.867.540.748)	(45.900.411.240)
Tài sản cố định vô hình	227		6.638.710	72.788.710
Nguyên giá	228		441.000.000	441.000.000
Giá trị khấu hao lũy kế	229		(434.361.290)	(368.211.290)
Bất động sản đầu tư	240	15	34.005.434.486	34.779.306.191
Nguyên giá	241		45.821.328.558	45.821.328.558
Giá trị khấu hao lũy kế	242		(11.815.894.072)	(11.042.022.367)
Tài sản dở dang dài hạn	250		1.064.440.000	921.339.259
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		1.064.440.000	921.339.259
Đầu tư tài chính dài hạn	260	10(b)	1.993.762.087.656	2.200.113.111.702
Đầu tư vào các công ty con	261		286.193.148.150	286.193.148.150
Đầu tư vào các công ty liên kết	262		1.207.535.917.241	1.421.438.052.726
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		650.043.222.653	635.840.772.653
Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(150.010.200.388)	(143.358.861.827)
Tài sản dài hạn khác	270		480.512.858	732.122.772
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		480.512.858	732.122.772
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2.974.440.840.891	2.876.140.379.362

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2026

Mẫu B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã trình bày lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		19.671.819.943	21.927.812.064
Nợ ngắn hạn	310		18.525.819.943	20.801.812.064
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.129.806.055	1.351.750.422
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		365.790.000	-
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		13.700.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4.316.271.626	130.104.957
Phải trả người lao động	315		730.540.047	7.595.971.862
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		1.741.143.804	2.595.118.661
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		2.238.210.455	1.771.559.353
Phải trả ngắn hạn khác	320	17	1.683.548.039	1.625.869.381
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	18	6.306.809.917	5.731.437.428
Nợ dài hạn	330		1.146.000.000	1.126.000.000
Phải trả dài hạn khác	338		1.146.000.000	1.126.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	2.954.769.020.948	2.854.212.567.298
Vốn cổ phần	411		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		201.800.207.965	201.800.207.965
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		382.968.812.983	282.412.359.333
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	420a		42.026.986.845	7.837.954.688
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		340.941.826.138	274.574.404.645
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.974.440.840.891	2.876.140.379.362

Ngày 23 tháng 10 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Hằng

Kế toán trưởng



Lữ Thị Khánh Trân

Người đại diện theo pháp luật




Hàn Thị Khánh Vinh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026****Mẫu B 02a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	TM	Quý III kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2026	30/9/2025	30/9/2026	30/9/2025
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.829.047.851	2.759.952.552	6.805.378.353	7.608.231.161
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	1.829.047.851	2.759.952.552	6.805.378.353	7.608.231.161
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	980.411.807	1.541.910.063	4.135.558.855	4.706.858.178
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		848.636.044	1.218.042.489	2.669.819.498	2.901.372.983
Doanh thu hoạt động tài chính	22	24	96.031.465.433	39.722.783.796	373.933.932.790	317.500.558.801
Chi phí tài chính	23	25	14.519.468.026	6.434.535.680	6.651.338.561	3.755.841.500
Chi phí bán hàng	25	26	254.506.482	825.229.168	858.836.808	1.591.916.592
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	10.788.958.629	10.662.495.537	28.154.528.781	28.021.318.463
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.317.168.340	23.018.565.900	340.939.048.138	287.032.855.229
Thu nhập khác	31		2.778.000	-	2.778.000	-
Chi phí khác	32		-	-	-	8.000.000
Lợi nhuận khác	40		2.778.000	-	2.778.000	(8.000.000)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.319.946.340	23.018.565.900	340.941.826.138	287.024.855.229
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		71.319.946.340	23.018.565.900	340.941.826.138	287.024.855.229

Ngày 23 tháng 10 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Thị Hằng

Lữ Thị Khánh Trân

Hàn Thị Khánh Vinh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2026 VND	30/9/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		340.941.826.138	287.024.855.229
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	02		2.807.151.213	2.928.488.745
Các khoản hoàn nhập dự phòng	03		6.651.338.561	3.755.841.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(28.929.878)	(42.124.809)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(373.893.114.871)	(317.449.276.095)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(23.521.728.837)	(23.782.215.430)
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		986.461.021	(695.314.505)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		165.625.390	(348.090.822)
Tăng/giảm các khoản phải trả	11		(2.803.312.166)	4.361.977.746
Tăng/giảm chi phí chờ phân bổ	12		251.609.914	750.691.594
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	494.000.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.809.999.999)	(496.053.153.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.731.344.677)	(21.766.104.527)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2026 VND	30/9/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.485.529.203)	(739.017.364)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.152.925.000.000)	(614.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		886.180.000.000	768.710.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.202.450.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		213.863.135.485	21.633.883.775
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		336.975.091.501	327.965.059.818
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		267.405.247.783	503.069.926.229
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(236.986.300.000)	(236.986.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(236.986.300.000)	(236.986.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.687.603.106	244.317.521.702
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		3.133.090.967	252.825.594.955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.929.878	42.124.809
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	9	5.849.623.951	497.185.241.466

Ngày 23 tháng 10 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Hằng

Kế toán trưởng



Lữ Thị Khánh Trân

Người đại diện theo pháp luật

Hàn Thị Khánh Vinh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 được cấp vào ngày 16 tháng 9 năm 2025.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- Dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty và các công ty con kinh doanh; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026, Tổng Công ty có 3 công ty con và 8 công ty liên kết trực tiếp được trình bày tại Thuyết minh số 10(b).

Ngoài ra, Tổng Công ty có 1 công ty liên kết gián tiếp là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha, một công ty con của Tổng Công ty như sau:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Hoạt động chính	30/9/2026 và 1/1/2026	
			Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Số 262L Đường Lê Văn Sỹ, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn tổng hợp hóa dược và dược liệu	30,00%	19,97%

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Tổng Công ty có 35 nhân viên (1/1/2026: 37 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tổng Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tổng Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(i));
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 4(c)(iii));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d)); và
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(l)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Ngoại trừ các thay đổi trọng yếu trong chính sách kế toán được liệt kê tại Thuyết minh số 3, những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được định giá được phê duyệt khi Tổng Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần tại ngày 8 tháng 12 năm 2016. Giá trị định giá lại được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tổng Công ty chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được định giá được phê duyệt khi Tổng Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần tại ngày 8 tháng 12 năm 2016. Giá trị định giá lại được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tổng Công ty chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác phát sinh sau giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi: (i) đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm; hoặc (ii) có bằng chứng đáng tin cậy cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

	Tỷ lệ dự phòng
Quá hạn từ 6 tháng - 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 - 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 - 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Tổng Công ty được các bên hữu quan phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 25 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5 năm
▪ phương tiện vận tải	4 - 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 8 năm.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Tổng Công ty được các bên hữu quan phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 9 - 46 năm

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(l) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại Hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập từ cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư hoặc trước ngày Tổng công ty chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê tài sản

(i) Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(ii) Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư cho thuê trên báo cáo tình hình tài chính riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

(q) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

7. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày
30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền mặt	3.115.105.247	489.710.917
Tiền gửi ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.908.069.201	1.129.889.547
Các ngân hàng khác	26.442.380	13.490.503
	<u>1.934.511.581</u>	<u>1.143.380.050</u>
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	800.007.123	1.500.000.000
	<u>5.849.623.951</u>	<u>3.133.090.967</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 1 tuần và hưởng lãi suất năm là 0,2% (1/1/2026: 0,2%/năm).

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày
30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Giá trị phân bổ và giá trị có thể thu	
	hồi	
	30/9/2026	1/1/2026
	VND	VND
	(Đã trình bày lại)	
Tiền gửi có kỳ hạn	885.073.999.167	611.838.730.797

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm giá gốc và lãi dự thu của các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng, chi tiết như sau:

	Kỳ hạn	30/9/2026		Kỳ hạn	1/1/2026	
		Lãi suất	VND		Lãi suất	VND
						(Đã trình bày lại)
Hợp đồng 1	6 tháng	8,3%	94.217.423.699	-	-	-
Hợp đồng 2	6 tháng	8,14%	100.778.374.247	-	-	-
Hợp đồng 3	6 tháng	8,3%	142.619.783.562	-	-	-
Hợp đồng 4	12 tháng	9,0%	210.415.109.589	6 tháng	6,4%	140.662.621.151
Các hợp đồng khác	6-12 tháng	7,1% - 9,3%	337.043.308.071	6 - 12 tháng	5,6% - 8%	471.176.109.646
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn			885.073.999.167			611.838.730.797

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****(i) Đầu tư góp vốn vào công ty con**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026, Tổng Công ty có 3 công ty con như sau:

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	30/9/2026 và 1/1/2026		
			Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % góp vốn	Tỷ lệ % quyền biểu quyết và sở hữu
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Số 262L, Phố Lê Văn Sỹ, Phường Nhiêu Lộc, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm	12.122.500	66,35%	66,57%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Số 87, Phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt, TP. Hà Nội	Bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	13.721.550	65,41%	65,41%
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Số 115, Đường Ngô Gia Tự, Phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, bao bì dược, thực phẩm bổ dưỡng, máy móc, thiết bị y tế, chế biến dược liệu	1.137.500	65%	66,81%

Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026 như sau:

	30/9/2026			1/1/2026		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	123.241.224.756	-	128.498.500.000	123.241.224.756	-	150.319.000.000
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	138.997.108.326	-	389.692.020.000	138.997.108.326	-	473.393.475.000
Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 (*)	23.954.815.068	-	13.650.000.000	23.954.815.068	-	16.038.750.000
	286.193.148.150	-	531.840.520.000	286.193.148.150	-	639.751.225.000



Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá giao dịch của cổ phiếu của các công ty trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết.
- (*) Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 mặc dù giá trị hợp lý của khoản đầu tư nhỏ hơn giá gốc do Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 không phát sinh lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của đơn vị này.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026, Tổng Công ty có các công ty liên kết trực tiếp như sau:

			30/9/2026 và 1/1/2026			
Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % góp vốn	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Số 138, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội	Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại dược phẩm (nguyên liệu và thành phẩm) và hóa chất	825.000	41,15%	41,15%	41,15%
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Lô I-8-2, Đường D8, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng	42.000.000	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam	Tầng 15, Tháp 2, Tòa nhà The Nexus, 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	232.398	29,99%	29,99%	29,99%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Số 448B Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	3.780.000	28,43%	28,43%	28,43%
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Số 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	5.538.167	26,45%	26,45%	26,45%
Công ty Cổ phần Dược Davina	Số 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	450.000	25,00%	25,00%	25,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Số 16 Lê Đại Hành, Phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	4.746.087	22,07%	22,07%	22,07%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Số 4, Đường 30/4, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị y tế, dụng cụ y tế, nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc	33.948.992	22,04%	22,04%	22,04%

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026 như sau:

	Giá gốc VND	30/9/2026 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	1/1/2026 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	14.814.901.439	-	(*)	14.814.901.439	-	(*)
Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam (iii)	455.892.388.588	-	(*)	669.794.524.073	-	(*)
Công ty cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo Việt Nam	28.211.552.564	-	(*)	28.211.552.564	-	(*)
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (i) (ii)	44.983.510.213	-	19.656.000.000	44.983.510.213	-	37.800.000.000
Công ty cổ phần Dược Danapha	131.058.047.634	-	(*)	131.058.047.634	-	202.696.912.200
Công ty cổ phần Dược Davina	4.265.731.893	(4.265.731.893)	(*)	4.265.731.893	(4.265.731.893)	(*)
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (i)	50.340.601.545	-	288.087.480.900	50.340.601.545	-	250.593.393.600
Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm (i)	477.969.183.365	-	1.228.953.510.400	477.969.183.365	-	1.782.322.080.000
	1.207.535.917.241	(4.265.731.893)		1.421.438.052.726	(4.265.731.893)	

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá giao dịch của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán hoặc trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết.
- (ii) Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 mặc dù giá trị hợp lý của khoản đầu tư nhỏ hơn giá gốc do Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 không phát sinh lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của đơn vị này.
- (iii) Trong kỳ, Tổng Công ty nhận được khoản cổ tức trị giá 444.000 triệu VND từ Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam, trong đó có 213.863 triệu VND liên quan đến giai đoạn trước thời điểm Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu tại đơn vị này từ 15% lên 30%. Theo đó, khoản cổ tức trị giá 213.863 triệu VND và khoản chi phí khác trị giá 39 triệu VND được xác định là phần thu hồi vốn đầu tư và đã được ghi nhận giảm vào giá gốc của khoản đầu tư tương ứng.
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % góp vốn	30/9/2026			Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % góp vốn	1/1/2026		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar (i)	4.657.435	18,23%	197.712.783.695	(75.656.937.128)	122.055.846.567	4.657.435	18,23%	197.712.783.695	(80.811.165.195)	116.901.618.500
Công ty cổ phần Bao bì Dược	450.000	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	450.000	15,00%	11.370.153.435	-	(*)
Công ty cổ phần Dược phẩm Vidipha (i)	4.576.372	14,29%	89.357.905.264	-	186.944.796.200	3.156.127	14,29%	75.155.455.264	-	183.055.366.000
Công ty cổ phần Dược phẩm OPC (i)	10.045.603	13,40%	139.411.862.876	-	199.907.499.700	8.585.986	13,40%	139.411.862.876	-	206.063.664.000
Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	1.427.500	11,50%	29.455.746.106	-	40.048.245.618	1.427.500	11,50%	29.455.746.106	-	33.546.250.000
Công ty cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex (i)	1.579.833	10,23%	46.022.915.860	(24.695.170.360)	21.327.745.500	1.579.833	10,23%	46.022.915.860	(19.955.671.360)	26.067.244.500
Công ty cổ phần Dược liệu Trung ương 2	3.780.000	9,90%	37.739.465.978	-	(*)	3.780.000	9,90%	37.739.465.978	-	(*)
Công ty cổ phần Dược Medipharco (i)	678.501	9,10%	9.231.455.589	-	10.227.271.740	678.501	9,10%	9.231.455.589	-	9.499.014.000
Công ty cổ phần Hoá Dược Việt Nam	183.840	7,76%	5.107.203.820	-	(*)	183.840	7,76%	5.107.203.820	-	(*)
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	1.356.650	6,78%	11.861.708.288	(7.732.754.864)	4.128.953.424	1.356.650	6,78%	11.861.708.288	(7.116.720.303)	4.744.987.985
Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái	243.220	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	243.220	5,73%	3.466.940.866	-	(*)
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco (i)	6.046.906	5,18%	69.305.080.876	(37.659.606.143)	31.645.474.733	6.046.906	5,18%	69.305.080.876	(31.209.573.076)	38.095.507.800
			650.043.222.653	(145.744.468.495)				635.840.772.653	(139.093.129.934)	

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá giao dịch của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán hoặc trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết.
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***11. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/9/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND (Đã trình bày lại)	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>				
Phải thu về cổ tức	34.303.875.000	-	4.849.000.000	-
<i>Các bên khác</i>				
Phải thu về cổ tức	972.880.000	-	-	-
Các khoản tạm ứng	940.451.591	-	250.988.207	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.192.524.123	(760.506.521)	869.529.545	(760.506.521)
	37.409.730.714	(760.506.521)	5.969.517.752	(760.506.521)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

		30/9/2026 và 1/1/2026		
	Số ngày quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Phúc Lâm	Trên 3 năm	328.595.827	(328.595.827)	-
Quầy Hoàng Văn Lộ	Trên 3 năm	112.010.694	(112.010.694)	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	319.900.000	(319.900.000)	-
		760.506.521	(760.506.521)	-
<i>Trong đó:</i>				
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn			(760.506.521)	

13. Hàng tồn kho

	30/9/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	192.228.459	-	357.853.849	-
	192.228.459	-	357.853.849	-

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định dùng cho quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	43.121.236.291	6.837.386.288	5.306.064.970	2.905.204.990	58.169.892.539
Mua trong kỳ				108.479.630	108.479.630
Số dư cuối kỳ	43.121.236.291	6.837.386.288	5.306.064.970	3.013.684.620	58.278.372.169
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	32.721.781.432	6.324.076.197	4.946.884.593	1.907.669.018	45.900.411.240
Khấu hao trong kỳ	1.041.658.424	513.310.091	119.726.793	292.434.200	1.967.129.508
Số dư cuối kỳ	33.763.439.856	6.837.386.288	5.066.611.386	2.200.103.218	47.867.540.748
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	10.399.454.859	513.310.091	359.180.377	997.535.972	12.269.481.299
Số dư cuối kỳ	9.357.796.435	-	239.453.584	813.581.402	10.410.831.421

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 6.368 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang được sử dụng:

	Nguyên giá 30/9/2026 và 1/1/2026 VND
Nhà làm việc tại 95 Láng Hạ	6.600.000.000
Nhà văn phòng và công trình phụ trợ tại 12 Ngô Tất Tố	32.912.199.403

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày
30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm và cuối kỳ	45.821.328.558
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số dư đầu năm	11.042.022.367
Khấu hao trong kỳ	773.871.705
Số dư cuối kỳ	11.815.894.072
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	34.779.306.191
Số dư cuối kỳ	34.005.434.486

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty chủ yếu là diện tích sàn văn phòng của Dự án Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV - Vinapharm và hiện đang được sử dụng để cho thuê.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2026		Số phát sinh trong kỳ			30/09/2026	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	-	918.535.525	(918.535.525)	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	40.910.745	3.482.456.661	(26.039.192)	(1.092.679.205)	-	2.404.649.009
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.249.745.671	-	-	-	-	1.249.745.671	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.405.738.622	-	5.938.958.555	-	(1.621.597.316)	-	1.911.622.617
Các loại thuế, phí khác	-	89.194.212	-	-	(89.194.212)	-	-
	3.655.484.293	130.104.957	10.339.950.741	(944.574.717)	(2.803.470.733)	1.249.745.671	4.316.271.626

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày
30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
Đối tác trả trước tiền hỗ trợ dự án 95 Láng Hạ	1.163.845.000	1.000.000.000
Phải trả lãi cổ đông	104.048.023	128.961.241
Phải trả khác	415.655.016	496.908.140
	1.683.548.039	1.625.869.381

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi cho các cán bộ, nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2026 VND	30/9/2025 VND
Số dư đầu năm	5.731.437.428	5.088.823.105
Trích lập quỹ trong kỳ	3.385.372.488	3.077.434.100
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.809.999.999)	(2.053.153.110)
Số cuối kỳ	6.306.809.917	6.113.104.095

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2025	2.370.000.000.000	201.800.207.965	247.915.388.788	2.819.715.596.753
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	287.024.855.229	287.024.855.229
Chia cổ tức	-	-	(237.000.000.000)	(237.000.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.077.434.100)	(3.077.434.100)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2025	2.370.000.000.000	201.800.207.965	294.862.809.917	2.866.663.017.882
Số dư tại ngày 01/01/2026	2.370.000.000.000	201.800.207.965	282.412.359.333	2.854.212.567.298
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	340.941.826.138	340.941.826.138
Chia cổ tức (*)	-	-	(237.000.000.000)	(237.000.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(3.385.372.488)	(3.385.372.488)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	2.370.000.000.000	201.800.207.965	382.968.812.983	2.954.769.020.948

(*) Tổng Công ty đã thực hiện chia cổ tức và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025 căn cứ theo Nghị quyết ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/9/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	237.000.000	2.370.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	2.370.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	2.370.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	30/9/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	154.050.000	65%
Các cổ đông khác	82.950.000	35%
	237.000.000	100%

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***21. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính****(a) Cam kết thuê hoạt động****(i) Tổng Công ty là bên đi thuê**

Tổng Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
Dưới 1 năm	8.054.671.876	5.613.390.117
Từ 1 đến 5 năm	32.218.687.504	32.076.514.956
Trên 5 năm	231.641.949.223	230.243.235.241
	<u>271.915.308.603</u>	<u>267.933.140.314</u>

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

Tài sản	Thời hạn thuê ước tính	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Khu đất tại 178 Điện Biên Phủ	50 năm	28.740.745.711	33.601.226.733
Khu đất tại 126A Trần Quốc Thảo	50 năm	14.938.763.065	17.477.861.209
Khu đất tại 12 Ngô Tất Tố	50 năm	42.602.316.807	43.098.041.932
Khu đất tại 60B Nguyễn Huy Tưởng	50 năm	15.993.908.249	13.360.138.440
Khu đất tại 95 Láng Hạ	50 năm	169.639.574.772	160.395.872.000
		<u>271.915.308.603</u>	<u>267.933.140.314</u>

(ii) Tổng Công ty là bên cho thuê

Tổng Công ty hiện đang cho thuê địa điểm kinh doanh theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
Dưới 1 năm	6.698.485.918	7.909.749.589
Từ 1 đến 5 năm	9.053.421.395	12.034.956.483
	<u>15.751.907.313</u>	<u>19.944.706.072</u>

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***(b) Ngoại tệ các loại**

	30/9/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (USD)	270	6.985.102	270	6.994.554
Forint Hungari (HUF)	20.000	1.798.065	20.000	1.798.065
Rúp Nga (RUB)	662.000	192.486.430	662.000	163.547.100
		<u>201.269.597</u>		<u>172.339.719</u>

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2026	30/9/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu:		
Doanh thu bán hàng	312.466.662	682.378.701
Doanh thu cho thuê	6.227.116.376	6.477.721.432
Doanh thu cung cấp dịch vụ	265.795.315	448.131.028
Tổng doanh thu và doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.805.378.353	7.608.231.161

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2026	30/9/2025
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	149.623.641	357.846.356
Giá vốn cho thuê	3.985.935.214	4.338.801.822
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	10.210.000
	4.135.558.855	4.706.858.178

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2026	30/9/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi	42.675.082.856	40.587.143.870
Cổ tức	331.218.032.015	276.862.132.225
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.383.750
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.929.878	42.124.809
Doanh thu tài chính khác	11.888.041	7.774.147
	373.933.932.790	317.500.558.801

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày
30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***25. Chi phí tài chính**

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2026	30/9/2025
	VND	VND
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	6.651.338.561	3.755.841.500
	<u>6.651.338.561</u>	<u>3.755.841.500</u>

26. Chi phí bán hàng

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2026	30/9/2025
	VND	VND
Chi phí nhân công	620.141.412	1.178.342.539
Chi phí khấu hao và hao mòn	72.754.515	72.754.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.797.328	66.955.073
Chi phí bán hàng khác	126.143.553	273.864.465
	<u>858.836.808</u>	<u>1.591.916.592</u>

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2026	30/9/2025
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.657.264.134	11.993.285.638
Chi phí dụng cụ quản lý	894.015.229	1.338.448.404
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.960.524.993	2.081.862.525
Thuế, phí và lệ phí	2.607.880.952	2.590.424.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.490.103.933	4.657.278.422
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.544.739.540	5.360.019.406
	<u>28.154.528.781</u>	<u>28.021.318.463</u>

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2026	30/9/2025
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa	2.145.999.812	364.682.975
Chi phí nhân công	8.277.405.546	13.171.628.177
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.807.151.213	2.928.488.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.741.964.770	8.457.932.313
Chi phí bằng tiền khác	11.176.403.103	9.745.451.845
	<u>33.148.924.444</u>	<u>34.668.184.055</u>

29. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2026	30/9/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>340.941.826.138</u>	<u>287.024.855.229</u>
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	68.188.365.228	57.404.971.046
Chi phí không được khấu trừ thuế	303.677.843	206.494.572
Thu nhập không bị tính thuế	(66.243.606.403)	(55.372.426.445)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	1.330.966.048	720.405.009
Lỗi tính thuế được sử dụng	(3.579.402.716)	(2.959.444.181)
	<u>-</u>	<u>-</u>

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/9/2026		1/1/2026	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗ tính thuế	79.932.392.454	15.986.478.491	97.829.406.036	19.565.881.207

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	70.131.374.316
2028	Chưa quyết toán	3.779.186.948
2030	Chưa quyết toán	6.021.831.190
		<u>79.932.392.454</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày
30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2026	30/9/2025
	VND	VND
Cổ đông		
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước		
Cổ tức đã trả	154.050.000.000	154.050.000.000
Công ty con		
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha		
Cổ tức được chia	6.061.250.000	10.910.250.000
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1		
Cổ tức được chia	34.303.875.000	16.465.860.000
Công ty cổ phần Dược Trung ương 3		
Cổ tức được chia	1.137.500.000	1.137.500.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	92.580.199	92.776.228
Công ty liên kết		
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam		
Cổ tức được chia	1.485.000.000	1.485.000.000
Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam		
Cổ tức được chia	444.000.000.000	127.500.000.000
Mua dịch vụ	193.450.000	-
Công ty cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo Việt Nam		
Cổ tức được chia	-	95.998.720.000
Công ty cổ phần Dược phẩm Danapha		
Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	166.330.372	105.407.191
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3		
Cổ tức được chia	18.984.348.000	14.238.261.000
Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	31.428.943	47.308.387
Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm		
Cổ tức được chia	20.369.395.200	16.974.496.000

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày
30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ chín tháng kết thúc ngày
30/9/2026 30/9/2025
VND VND

Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty cổ phần Dược phẩm OPC

Cổ tức được chia	6.868.788.800	-
Mua hàng hóa	57.361.111	78.590.741
Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	68.036.000	43.501.556

Thù lao và lương của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Kế toán trưởng

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/09/2026	30/09/2025
	VND	VND
Ông Nguyễn Thế Ngân	105.454.545	-
Ông Đinh Xuân Hân	399.346.764	810.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	56.590.909	80.869.565
Ông Trần Đức Hùng	-	54.130.435
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	1.035.000.000	810.000.000
Ông Đỗ Mạnh Cường	153.000.000	135.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hoa	79.090.909	-
Ông Hoàng Lê Sơn	79.090.909	-
Ông Trần Văn Hải	56.590.909	90.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	558.000.000	552.572.443

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***31. Thông tin so sánh**

Trừ các số liệu được trình bày lại dưới đây, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin so sánh cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 được mang sang từ báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Tổng Công ty áp dụng Thông tư 99. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số chỉ tiêu trên báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được trình bày lại. Ngoài ra, một số số liệu thông tin so sánh khác cũng được trình bày lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được trình bày lại như sau:

		1/1/2026	1/1/2026
	Mã số	(Đã trình bày lại)	(Theo báo cáo trước đây)
		VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	611.838.730.797	604.780.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.969.517.752	13.028.248.549

Ngày 23 tháng 10 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Hằng

Kế toán trưởng



Lữ Thị Khánh Trân

Người đại diện theo pháp luật

Hàn Thị Khánh Vinh
Tổng Giám đốc